

Thien phu Luc

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 402 /2007/QĐ-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 9 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/07/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, các tổ chức, cá nhân và các bên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng TƯ và các ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính;
- Hiệp hội bảo hiểm, DNBH;
- Lưu VT, Vụ Bảo hiểm.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Xuân Hà

Trần Xuân Hà

QUY CHẾ TRIỂN KHAI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 102 /2007/QĐ-BTC ngày 4 tháng 12 năm 2007
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị của các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Bảo hiểm liên kết đơn vị

Bảo hiểm liên kết đơn vị (unit linked) là sản phẩm bảo hiểm nhân thọ thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư và có các đặc điểm sau:

1. Cơ cấu phí bảo hiểm và quyền lợi bảo hiểm được tách bạch giữa phần bảo hiểm rủi ro và phần đầu tư. Bên mua bảo hiểm được linh hoạt trong việc xác định phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

2. Bên mua bảo hiểm được quyền lựa chọn đầu tư phí bảo hiểm của mình để mua các đơn vị của các quỹ liên kết đơn vị do doanh nghiệp bảo hiểm thành lập, được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư và chịu mọi rủi ro đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị đã lựa chọn tương ứng với phần phí bảo hiểm đã đầu tư.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng các khoản phí do bên mua bảo hiểm trả theo thoả thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. *Quỹ liên kết đơn vị* là quỹ được hình thành từ nguồn phí bảo hiểm của bên mua bảo hiểm đối với các hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị và là một phần của quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm.

2. *Đơn vị của quỹ liên kết đơn vị* là tài sản của quỹ liên kết đơn vị được chia thành nhiều phần bằng nhau.

3. *Giá bán* là giá một đơn vị của quỹ liên kết đơn vị khi doanh nghiệp bảo hiểm bán cho bên mua bảo hiểm.

4. *Giá mua* là giá một đơn vị của quỹ liên kết đơn vị khi doanh nghiệp bảo hiểm mua của bên mua bảo hiểm.

5. *Ngày định giá* là ngày doanh nghiệp bảo hiểm tiến hành xác định giá mua và giá bán các đơn vị của quỹ liên kết đơn vị.

6. *Ngày định giá kế tiếp* là ngày định giá ngay sau ngày doanh nghiệp bảo hiểm nhận được yêu cầu mua hoặc bán các đơn vị của quỹ liên kết đơn vị từ bên mua bảo hiểm.

Điều 4. Điều kiện đối với doanh nghiệp bảo hiểm triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị

Khi triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ phải đáp ứng được các điều kiện sau đây:

1. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm lớn hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu 200 tỷ đồng Việt Nam. Vốn điều lệ đã góp cao hơn mức vốn pháp định từ 200 tỷ đồng Việt Nam trở lên.

2. Có hệ thống công nghệ thông tin phù hợp để quản lý và kiểm soát các quỹ liên kết đơn vị một cách thận trọng và hiệu quả.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm có khả năng định giá tài sản và các đơn vị của các quỹ liên kết đơn vị khách quan, chính xác theo định kỳ tối thiểu một (1) tuần một (1) lần và công bố công khai cho bên mua bảo hiểm về giá mua và giá bán đơn vị quỹ liên kết đơn vị.

4. Đại lý bán sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị được tuyển dụng, đào tạo, quản lý và sử dụng đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 25 Quy chế này.

5. Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị được Bộ Tài chính phê chuẩn.

Chương 2 THIẾT KẾ SẢN PHẨM

Điều 5. Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị

1. Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ phải tuân thủ các quy định tại Chương này và các quy định của pháp luật khi thiết kế sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị.

2. Tên của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị và quỹ liên kết đơn vị phải rõ ràng, phù hợp với tính chất sản phẩm, mục tiêu đầu tư các tài sản của từng quỹ liên kết đơn vị và bảo đảm bên mua bảo hiểm có thể phân biệt được với các sản phẩm khác.

Điều 6. Quyền lợi bảo hiểm liên kết đơn vị

1. Quyền lợi bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị bao gồm quyền lợi bảo hiểm rủi ro và quyền lợi đầu tư.

2. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro: Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm thoả thuận về quyền lợi bảo hiểm rủi ro nhưng phải đảm bảo quyền lợi tối thiểu trong trường hợp người được bảo hiểm tử vong theo quy định sau:

a) Đối với các hợp đồng bảo hiểm đóng phí một lần: 35.000.000 đồng hay 125% của số phí bảo hiểm đóng một lần, tùy thuộc vào số nào lớn hơn;

b) Đối với các hợp đồng bảo hiểm đóng phí định kỳ: 35.000.000 đồng hay 5 lần của số phí bảo hiểm đóng hàng năm, tùy thuộc vào số nào lớn hơn.

c) Doanh nghiệp bảo hiểm có thể cung cấp quyền lợi tử vong với số tiền bảo hiểm thấp hơn mức tối thiểu quy định như trên đối với người được bảo hiểm từ 60 tuổi trở lên, nhưng không thấp hơn 35.000.000 đồng.

d) Quy định về quyền lợi tối thiểu trong trường hợp tử vong không áp dụng đối với khoản phí bảo hiểm đóng thêm quy định tại Điều 8 Quy chế này.

đ) Doanh nghiệp bảo hiểm có thể cung cấp sản phẩm bảo hiểm bổ trợ cho sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị. Phương thức đóng phí bảo hiểm cho các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ sẽ do các bên thoả thuận khi giao kết hợp đồng.

3. Quyền lợi đầu tư: Bên mua bảo hiểm được quyền lựa chọn đầu tư phí bảo hiểm vào các quỹ liên kết đơn vị do doanh nghiệp bảo hiểm thành lập; được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư và chịu mọi rủi ro đầu tư từ các quỹ liên kết đơn vị đã lựa chọn tương ứng với phần phí bảo hiểm đã đầu tư.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm có thể thoả thuận về nội dung và phương thức chi trả quyền lợi bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 7. Phí

1. Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được phép tính các loại phí được quy định dưới đây:

a) Phí ban đầu là toàn bộ các khoản tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép khấu trừ trước khi phí bảo hiểm được phân bổ vào các quỹ liên kết đơn vị.

b) Phí bảo hiểm rủi ro là khoản phí để chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.

c) Phí quản lý hợp đồng bảo hiểm là khoản phí để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì hợp đồng bảo hiểm và cung cấp thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm.

d) Phí quản lý quỹ được dùng để chi trả cho các hoạt động quản lý quỹ liên kết đơn vị.

đ) Phí chuyển đổi quỹ liên kết đơn vị là khoản phí bên mua bảo hiểm phải trả cho doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi tài sản đầu tư giữa các quỹ liên kết đơn vị. Bên mua bảo hiểm được quyền chuyển đổi quỹ liên kết đơn vị miễn phí cho lần chuyển đổi đầu tiên trong mỗi năm hợp đồng.

e) Phí huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm là khoản phí tính cho khách hàng khi huỷ bỏ hợp đồng trước ngày đáo hạn để bù đắp các khoản chi hợp lý có liên quan.

g) Các loại phí khác (nếu có) phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm phải tính toán chính xác, công bằng và hợp lý các khoản phí nêu trên, phù hợp với sản phẩm đã được Bộ Tài chính phê chuẩn và thông báo cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng.

3. Hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị phải quy định rõ các khoản phí tối đa áp dụng cho bên mua bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải công khai rõ ràng, đầy đủ các loại phí, cách xác định và tỷ lệ các khoản phí tối đa áp dụng cho bên mua bảo hiểm trong các tài liệu giới thiệu sản phẩm và tài liệu minh họa bán hàng.

4. Trong quá trình thực hiện hợp đồng và trong hạn mức tối đa đã được quy định tại hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có thể thay đổi tỷ lệ các loại phí áp dụng sau khi thông báo và thoả thuận với bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 3 tháng trước thời điểm chính thức thay đổi.

Điều 8. Phí bảo hiểm đóng thêm

1. Ngoài phần phí bảo hiểm đã thoả thuận trước trong hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm có thể đóng thêm phí bảo hiểm để mua các đơn vị quỹ liên kết đơn vị.

2. Toàn bộ phí bảo hiểm đóng thêm sẽ được đầu tư vào quỹ liên kết đơn vị sau khi trừ đi khoản phí ban đầu.

3. Trong mỗi năm hợp đồng, tổng số phí bảo hiểm đóng thêm không được vượt quá 10 lần mức phí bảo hiểm năm đầu đối với hợp đồng đóng phí định kỳ hoặc không quá mức phí bảo hiểm lần đầu đối với hợp đồng đóng phí một lần.

Điều 9. Quỹ liên kết đơn vị đối với các hợp đồng bảo hiểm đóng phí một lần

Đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị đóng phí một lần, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm thiết kế sản phẩm bảo hiểm bảo đảm phí bảo hiểm của bên mua bảo hiểm chỉ được mua các đơn vị của quỹ có tỷ lệ đầu tư dưới hình thức là tiền gửi ngân hàng, trái phiếu chính phủ và các chứng khoán có thu nhập cố định khác không thấp hơn 60% tổng giá trị tài sản của quỹ liên kết đơn vị đó.

Điều 10. Giá trị hoàn lại

Giá trị hoàn lại của một hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị được xác định dựa trên giá mua đơn vị quỹ liên kết đơn vị vào ngày định giá kế tiếp ngay sau ngày huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm trừ đi phí huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm.

Chương 3 TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Điều 11. Thông tin về bảo hiểm liên kết đơn vị

1. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm công bố chính xác, đầy đủ và kịp thời cho bên mua bảo hiểm các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị đã giao kết. Thông tin cung cấp cho bên mua bảo hiểm phải phù hợp với sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị được Bộ Tài chính phê chuẩn.